

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 324/2025/LĐ-ST
Ngày: 27- 6- 2025
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
lao động vô hiệu”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Lê Văn
- Bà Phạm Thị Thu Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 171/2025/TLST-LĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2025/QĐXXST-LĐ ngày 24 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2025/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn S, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên lạc: Số A, Tổ A, Khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH N; trụ sở: Lô H, KCN V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3.2. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bùi Văn S trình bày:

Ông Bùi Văn S có nhu cầu rút Bảo hiểm xã hội nên ông S đã liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố T để làm thủ tục theo quy định. Sau đó, ông S được Bảo hiểm xã hội thành phố T thông báo thời điểm từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 02 năm 2010 và từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013 ông S có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH N nên Công ty TNHH N có thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho ông S từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 02/ 2010 và từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013.

Tuy nhiên, khoảng thời gian trên ông S cũng đã làm việc cho Công ty khác nên cùng một khoảng thời gian ông S đóng bảo hiểm tại 02 Công ty. Do đó, ông S không thể rút bảo hiểm xã hội theo đúng quy định được.

Vào thời gian nêu trên ông S có cho ông Phạm Văn T mượn giấy chứng minh nhân dân của ông S để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH N với tên của ông S và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của ông S từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 02 năm 2010 và từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013, nhưng trên thực tế ông Phạm Văn T là người ký kết hợp đồng và trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH N, do thời điểm nêu trên ông Phạm Văn T chưa đủ tuổi lao động nên mới mượn chứng minh nhân dân của ông S để thực hiện ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH N.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa ông Phạm Văn T và Công ty TNHH N là sai quy định đã vi phạm quy tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông S đang được pháp luật bảo vệ.

Do đó, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH N và ông Bùi Văn S (do ông Phạm Văn T là người ký kết) trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 02/ 2010 và từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013 vô hiệu.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Công văn 1336 ngày 23/12/2024.

- Bị đơn Công ty TNHH N đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng Công ty TNHH N không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T trình bày:

Ông và ông Bùi Văn S là bạn bè, do lúc đi làm chưa có giấy tờ nên mượn giấy chứng minh nhân dân của ông Bùi Văn S để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH N và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 02 năm 2010 và từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013, nhưng thực tế ông là người trực tiếp ký hợp đồng lao động và trực tiếp làm việc tại Công ty.

Do không am hiểu pháp luật nên ông đã vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông Bùi Văn S.

Nay, ông Bùi Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH N và ông Bùi văn S (do ông Phạm Văn T là người ký kết) trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 02 năm 2010 và từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013 vô hiệu thì ông đồng ý.

Ngoài ra, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và ông xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:

Công ty TNHH N có đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) cho ông Bùi Văn S, sinh ngày 09/4/1990, số căn cước công dân 038090051264 (CMND số 173187631), mã số Bảo hiểm xã hội 7409322685 tham gia từ tháng 12/2009 đến tháng 02/2010, đã được bảo lưu thời gian tham gia từ tháng 12/2009 đến tháng 02/2010 ngày 31/5/2010, chưa hưởng BHXH một lần và chưa hưởng BHTN; mã số Bảo hiểm xã hội 7409322685 tham gia từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013, đã được bảo lưu thời gian tham gia từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013 ngày 23/4/2013, đã hưởng BHXH một lần và chưa hưởng BHTN.

Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Bùi Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH N và ông Bùi Văn S (do ông Phạm Văn T là người ký kết) từ tháng 12/2009 đến tháng 02/2010 và từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013 bị vô hiệu theo quy định của pháp luật. Xét, đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH N; trụ sở: Lô H, KCN V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, ông Phạm Văn T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố

tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện giữa Công ty TNHH N và ông S (thực tế ông T ký hợp đồng lao động) có giao kết hợp đồng lao động. Ông T làm việc tại Công ty từ tháng 12/2009 đến tháng 02/2010 và từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013 là nghỉ việc. Thời gian ông T làm việc tại Công ty, Công ty đóng bảo xã hội cho người lao động. Khi ông T đến Công ty làm việc, ông T cung cấp cho Công ty hồ sơ xin việc thể hiện tên người xin việc là ông Bùi Văn S do đó toàn bộ hồ sơ tại Công ty liên quan đến người lao động làm việc cho Công ty đều thể hiện tên Bùi Văn S, vì vậy hàng tháng Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên Bùi Văn S mà không phải là Phạm Văn T. Xét, sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Phạm Văn T dùng nhân thân của ông Bùi Văn S để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH N là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) xét thấy, yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Bùi Văn S và người sử dụng lao động Công ty TNHH N từ tháng 12/2009 đến tháng 02/2010; từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013 là có cơ sở chấp nhận.

Đối với quyền lợi của ông Phạm Văn T do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn ông Bùi Văn S tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự năm 2015);

Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;

Các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn S về việc tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu với bị đơn Công ty TNHH N.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa ông Bùi Văn S, sinh ngày 09/4/1990, số căn cước công dân 038090051264 (CMND số 173187631) và Công ty TNHH N từ tháng 12/2009 đến tháng 02/2010 và từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013 bị vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội thành phố T thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với ông Bùi Văn S theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Ông Bùi Văn S tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001023 ngày 25/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết